



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2020



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 30 tháng 7 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên (từ ngày 26/6/2020)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Kim Khanh	Trưởng ban (từ ngày 26/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban (đến ngày 25/6/2020)
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên

Ban điều hành

Ông Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)
	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)
Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc (đến ngày 31/7/2020)
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Hòa Châu	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/8/2020)
	Giám đốc điều hành (đến ngày 31/7/2020)
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Phước Hoàng	Giám đốc điều hành (từ ngày 1/8/2020)
Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc điều hành (từ 1/1/2020)
	Kế toán trưởng (đến ngày 30/6/2020)
Bà Nguyễn Thị Tường Long	Kế toán trưởng (từ ngày 1/7/2020)

Trụ sở đăng ký

36 Phố Ông Ích Đường
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 51 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.


Thay mặt Ban điều hành
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỆT MAY
HÒA THỌ

Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 8 năm 2020



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2020, được trình bày từ trang 5 đến trang 51.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 20-02-00269-20-2




Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 0339-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020



Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số: 3065-2019-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		926.657.538.648	948.102.310.710
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	18.346.330.283	30.303.763.991
Tiền	111		18.346.330.283	27.303.763.991
Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.033.145.329	15.283.145.329
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(a)	24.033.145.329	15.283.145.329
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		238.583.216.756	247.340.784.379
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	215.813.614.089	211.013.119.950
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		16.298.387.240	18.131.984.326
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		576.600.000	611.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	12.071.446.141	23.768.810.817
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(6.176.830.714)	(6.184.330.714)
Hàng tồn kho	140	14	609.305.570.542	616.188.431.966
Hàng tồn kho	141		619.499.492.279	616.665.418.119
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.193.921.737)	(476.986.153)
Tài sản ngắn hạn khác	150		36.389.275.738	38.986.185.045
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	18(a)	8.457.651.149	10.470.773.328
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		27.895.313.559	28.487.003.763
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		36.311.030	28.407.954

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		818.430.685.516	824.398.791.588
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.935.109.000	4.384.390.930
Phải thu về cho vay dài hạn	215		935.200.000	1.010.200.000
Phải thu dài hạn khác	216		2.999.909.000	3.374.190.930
Tài sản cố định	220		727.841.923.032	743.070.261.946
Tài sản cố định hữu hình	221	15	726.812.579.947	741.595.385.797
Nguyên giá	222		1.722.235.464.806	1.672.676.992.315
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(995.422.884.859)	(931.081.606.518)
Tài sản cố định vô hình	227	16	1.029.343.085	1.474.876.149
Nguyên giá	228		10.600.857.669	10.402.507.069
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9.571.514.584)	(8.927.630.920)
Tài sản dở dang dài hạn	240		44.714.764.295	35.047.117.854
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	44.714.764.295	35.047.117.854
Đầu tư tài chính dài hạn	250		13.633.031.571	14.007.853.365
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(b)	13.033.031.571	12.651.253.473
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(b)	(7.155.702.000)	(6.399.102.108)
Tài sản dài hạn khác	260		28.305.857.618	27.889.167.493
Chi phí trả trước dài hạn	261	18(b)	28.165.770.920	27.679.037.447
Lợi thế thương mại	269	19	140.086.698	210.130.046
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.745.088.224.164	1.772.501.102.298

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.300.840.301.495	1.291.040.687.666
Nợ ngắn hạn	310		940.208.165.802	911.787.999.256
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	239.411.367.590	231.456.590.694
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		39.689.297.001	6.028.276.935
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	26.537.376.621	8.967.091.774
Phải trả người lao động	314		217.420.214.890	300.612.523.921
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	2.606.779.741	4.752.724.114
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.090.909.091	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	76.322.261.607	16.723.081.710
Vay ngắn hạn	320	24(a)	264.118.188.158	273.060.607.020
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	73.011.771.103	70.187.103.088
Nợ dài hạn	330		360.632.135.693	379.252.688.410
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		10.740.759.952	11.889.559.587
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		545.454.545	-
Vay dài hạn	338	24(b)	349.345.921.196	367.363.128.823
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		444.247.922.669	481.460.414.632
Vốn chủ sở hữu	410	26	444.247.922.669	481.460.414.632
Vốn cổ phần	411	27	225.000.000.000	225.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	131.581.249.354	113.283.038.700
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.586.196.877	116.974.532.760
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		32.966.962.290	622.452.819
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		27.619.234.587	116.352.079.941
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.080.476.438	26.202.843.172
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.745.088.224.164	1.772.501.102.298

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:




Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.581.560.442.115	2.098.893.130.696
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		747.523.899	372.857.902
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.580.812.918.216	2.098.520.272.794
Giá vốn hàng bán	11		1.455.393.570.297	1.931.594.637.056
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		125.419.347.919	166.925.635.738
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	13.428.283.436	9.320.389.702
Chi phí tài chính	22	33	20.242.973.347	24.283.509.015
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		12.520.812.989	19.933.726.465
Phần lãi trong công ty liên kết	24		1.988.778.098	1.910.328.290
Chi phí bán hàng	25	34	35.001.275.299	40.243.921.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	55.099.210.076	60.431.838.653
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		30.492.950.731	53.197.084.249
Thu nhập khác	31		2.072.723.768	1.056.434.309
Chi phí khác	32		841.751.597	1.262.705.959
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.230.972.171	(206.271.650)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		31.723.922.902	52.990.812.599
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	3.227.055.049	2.327.987.779
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (mang sang trang sau)	60		28.496.867.853	50.662.824.820

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51) (tràng trước mang sang)	60		28.496.867.853	50.662.824.820
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		27.619.234.587	54.480.645.510
Cổ đông không kiểm soát	62		877.633.266	(3.817.820.690)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	1.228	2.421

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		31.723.922.902	52.990.812.599
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		75.643.278.184	95.508.660.434
Các khoản dự phòng	03		10.466.035.476	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		950.285.727	2.031.778.788
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.667.953.354)	(3.145.916.907)
Chi phí lãi vay	06		12.520.812.989	19.933.726.465
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		127.636.381.924	167.319.061.379
Biến động các khoản phải thu	09		10.414.506.869	(176.537.968.122)
Biến động hàng tồn kho	10		(2.834.074.160)	156.284.172.346
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(15.360.863.169)	(75.685.172.572)
Biến động chi phí trả trước	12		1.482.583.480	(1.243.537.498)
			121.338.534.944	70.136.555.533
Tiền lãi vay đã trả	14		(12.764.462.446)	(20.247.836.389)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.604.344.551)	(3.269.064.211)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		215.821.774	254.079.435
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.850.513.575)	(6.879.396.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		100.335.036.146	39.994.337.496
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(77.229.699.707)	(49.485.456.188)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		712.272.727	162.999.999
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(8.755.000.000)	(830.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		114.600.000	412.900.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		966.902.529	905.747.360
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(84.190.924.451)	(48.833.808.829)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		1.233.723.902.107	1.490.658.794.393
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.261.790.235.063)	(1.424.133.603.281)
Tiền trả cổ tức	36		(35.212.447)	(56.086.685.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.101.545.403)	10.438.506.112
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(11.957.433.708)	1.599.034.779
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		30.303.763.991	25.052.150.214
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	9	18.346.330.283	26.651.184.993

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:

Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:

Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Sự bùng phát của Virus Corona (Covid-19) từ tháng 1 năm 2020 có ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế Việt Nam cũng như nền kinh tế toàn cầu. Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số hạn chế về cách ly xã hội, giãn cách xã hội cũng như các hạn chế đối với giao thương, gây ra sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, Covid-19 đã bùng phát trở lại tại Thành phố Đà Nẵng, Tổng Công ty và các công ty con đã và đang theo dõi chặt chẽ diễn biến của đại dịch do Covid-19 gây ra, đồng thời thực hiện đánh giá và ứng phó tích cực trước ảnh hưởng đối với kết quả hoạt động kinh doanh, và áp dụng các biện pháp nhằm đảm bảo hoạt động an toàn và liên tục của Tổng Công ty và các công ty con. Cho đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, công việc đánh giá và ứng phó vẫn được tiếp tục thực hiện.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty có các công ty con và công ty liên kết sau:

STT		Tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty		Tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty	
		30/6/2020	1/1/2020	30/6/2020	1/1/2020
	Công ty con				
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	76,88%	76,88%	76,88%	76,88%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	54,18%	54,18%	54,18%	54,18%
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	81,73%	81,73%	81,73%	81,73%
4	Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	74,49%	74,49%	74,49%	74,49%
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	100%	100%	100%	100%
	Công ty liên kết				
1	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	32,14%	32,14%	32,14%	32,14%
2	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	20,00%	20,00%	20,00%	20,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty và các công ty con có 10.100 nhân viên (1/1/2020: 10.264 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu hợp nhất.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể trực tiếp hoặc gián tiếp đến, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại các công ty liên kết này.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tổng Công ty. Sự kiểm soát tồn tại khi Tổng Công ty có quyền chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Tổng Công ty hoặc các công ty con tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm tại đơn vị nhận đầu tư so với giá trị đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ báo cáo, chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng, do vậy yêu cầu trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban điều hành cho rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất là buôn bán và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ về dệt may.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty và các công ty con được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban điều hành Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm và báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban điều hành thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoại trừ các vấn đề được nêu ở Thuyết minh 1(d), Tổng Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu của Tổng Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***8. Báo cáo bộ phận**

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Trung Quốc
- Hoa Kỳ
- Nhật Bản
- Châu Phi
- Việt Nam
- Vương quốc Anh
- Các vùng địa lý khác

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020								
Tổng doanh thu của bộ phận	340.045.651	238.552.766	255.106.270	157.986.919	131.020.591	9.854.846	448.993.399	1.581.560.442
Kết quả kinh doanh của bộ phận	22.030.047	31.544.434	18.472.916	11.282.216	5.666.895	432.940	35.989.900	125.419.348
								15.417.062
Thu nhập không phân bổ								110.343.459
Chi phí không phân bổ								
								30.492.951
Thu nhập khác								2.072.724
Chi phí khác								841.752
Thuế thu nhập doanh nghiệp								3.227.055
								28.496.868

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020								
Tài sản của bộ phận	14.627.537	25.484.583	34.356.078	36.565.846	41.918.663	-	62.860.907	215.813.614
Tài sản không phân bổ								1.529.274.610
Tổng tài sản								1.745.088.224
Nợ phải trả của bộ phận	44.458.875	-	-	636.150	835.387	-	4.499.645	50.430.057
Các khoản nợ không phân bổ								1.250.410.244
Tổng nợ phải trả								1.300.840.301
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020								
Chi tiêu vốn								77.229.700
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								74.885.546
Khấu hao tài sản cố định vô hình								643.884

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019								
Tổng doanh thu của bộ phận	580.335.114	495.952.835	225.351.409	147.282.973	92.172.727	10.125.409	547.672.664	2.098.893.131
Kết quả kinh doanh của bộ phận	29.225.956	60.121.808	18.818.439	3.935.129	18.756.082	652.674	35.415.548	166.925.636
								11.230.718
Thu nhập không phân bổ								124.959.269
Chi phí không phân bổ								
								53.197.085
								1.056.434
Thu nhập khác								1.262.706
Chi phí khác								2.327.988
Thuế thu nhập doanh nghiệp								
								50.662.825
Lợi nhuận thuần sau thuế								

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Trung Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Châu Phi Nghìn VND	Việt Nam Nghìn VND	Vương quốc Anh Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020								
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	64.745.149	41.275.317	19.469.653	35.690.405	15.759.601	-	34.072.995	211.013.120 1.561.487.982
Tổng tài sản								<u>1.772.501.102</u>
Nợ phải trả của bộ phận Các khoản nợ không phân bổ	13.449.007	-	-	-	2.940.267	-	1.528.563	17.917.837 1.273.122.851
Tổng nợ phải trả								<u>1.291.040.688</u>
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019								
Chi tiêu vốn								49.485.456
Khấu hao tài sản cố định hữu hình								94.767.581
Khấu hao tài sản cố định vô hình								627.231

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tiền mặt	197.523.888	89.791.466
Tiền gửi ngân hàng	18.148.806.395	27.213.972.525
Các khoản tương đương tiền	-	3.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	18.346.330.283	30.303.763.991
	<hr/>	<hr/>

10. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất năm từ 4,75% đến 7,7% (1/1/2020: từ 6,2% đến 7,7%).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Địa chỉ	30/6/2020					1/1/2020							
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND			
Đầu tư góp vốn vào:													
<i>Công ty liên kết</i>													
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	12.619.532.648	-	642.800	32,14%	32,14%	12.438.128.661	-		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	413.498.923	-	400.000	20,00%	20,00%	213.124.812	-		
					13.033.031.571	-						12.651.253.473	-
<i>Đơn vị khác</i>													
Công ty Cổ phần Bông vải Miền Trung	Khánh Hòa	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(855.702.000)	65.000	7,12%	7,12%	855.702.000	(99.102.108)		
Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	Quảng Nam	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-	60.000	10,91%	10,91%	600.000.000	-		
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt May TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)	630.000	14,00%	14,00%	6.300.000.000	(6.300.000.000)		
					7.755.702.000	(7.155.702.000)						7.755.702.000	(6.399.102.108)
					20.788.733.571	(7.155.702.000)						20.406.955.473	(6.399.102.108)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Motives (Far East) Limited	-	56.398.152.308
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	22.813.214.181	34.002.486.819
Haggar Clothing Co.	2.004.502.348	17.192.915.288
Kuraray Trading Co., Ltd.	20.078.765.020	14.279.004.420
Supreme International Inc.	19.166.650.769	12.314.022.810
Công ty SCAVI Huế	19.897.050.800	-
Haggar Canada Co.	18.191.391.073	10.190.165.438
Hultafors Group AB	16.657.484.553	-
Các khách hàng khác	97.004.555.345	66.636.372.867
	<hr/>	<hr/>
	215.813.614.089	211.013.119.950

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 185.457 triệu VND (1/1/2020: 184.470 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24(a)).

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	308.148.496	182.883.842
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	6.199.790	-
	<hr/>	<hr/>
	314.348.286	182.883.842

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	6.314.791.487	20.270.798.131
Tạm ứng	957.411.093	881.895.839
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước cho nhân viên	162.840.655	20.200.520
Phải thu về cổ tức từ công ty liên kết	1.607.000.000	-
Phải thu khác	3.029.402.906	2.595.916.327
	<hr/>	<hr/>
	12.071.446.141	23.768.810.817
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2020			Thời gian quá hạn	1/1/2020		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Trên 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-	Từ 1 - 3 năm	5.709.989.346	(5.709.989.346)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-
Khác	Trên 3 năm	60.716.615	(60.716.615)	-	Trên 3 năm	68.216.615	(68.216.615)	-
		<u>6.176.830.714</u>	<u>(6.176.830.714)</u>	-		<u>6.184.330.714</u>	<u>(6.184.330.714)</u>	-

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(6.176.830.714)

(6.184.330.714)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Hàng tồn kho

	30/6/2020		1/1/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	64.683.680.719	-	61.917.550.070	-
Nguyên vật liệu	150.563.791.749	-	148.709.503.215	-
Công cụ và dụng cụ	279.400.495	-	284.805.348	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	211.776.720.943	-	257.075.276.427	-
Thành phẩm	172.616.397.829	(10.193.921.737)	127.478.095.888	(476.986.153)
Hàng hóa	5.498.540.319	-	4.973.220.043	-
Hàng gửi đi bán	14.080.960.225	-	16.226.967.128	-
	<u>619.499.492.279</u>	<u>(10.193.921.737)</u>	<u>616.665.418.119</u>	<u>(476.986.153)</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có 43.924 triệu VND (1/1/2020: 2.101 triệu VND) hàng thành phẩm được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 287.365 triệu VND (1/1/2020: 283.979 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 24(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	350.427.812.000	1.179.973.165.577	42.945.649.508	7.651.375.520	91.678.989.710	1.672.676.992.315
Tăng trong kỳ	351.426.927	6.725.827.358	360.599.438	34.500.000	774.226.148	8.246.579.871
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	43.597.695.403	8.258.464.822	-	-	-	51.856.160.225
Thanh lý	-	(10.544.267.605)	-	-	-	(10.544.267.605)
Số dư cuối kỳ	394.376.934.330	1.184.413.190.152	43.306.248.946	7.685.875.520	92.453.215.858	1.722.235.464.806
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	136.810.066.027	695.150.874.177	31.262.125.006	6.215.963.991	61.642.577.317	931.081.606.518
Khấu hao trong kỳ	9.763.120.626	57.615.448.391	1.607.379.490	402.211.518	5.497.385.921	74.885.545.946
Thanh lý	-	(10.544.267.605)	-	-	-	(10.544.267.605)
Số dư cuối kỳ	146.573.186.653	742.222.054.963	32.869.504.496	6.618.175.509	67.139.963.238	995.422.884.859
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	213.617.745.973	484.822.291.400	11.683.524.502	1.435.411.529	30.036.412.393	741.595.385.797
Số dư cuối kỳ	247.803.747.677	442.191.135.189	10.436.744.450	1.067.700.011	25.313.252.620	726.812.579.947

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 có các tài sản có nguyên giá 485.475 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2020: 471.825 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 541.978 triệu VND (1/1/2020: 528.036 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 24(a)) và dài hạn (Thuyết minh 24(b)) của Tổng Công ty và các công ty con.

16. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	10.402.507.069
Tăng trong kỳ	198.350.600
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	10.600.857.669
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.927.630.920
Khấu hao trong kỳ	643.883.664
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	9.571.514.584
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.474.876.149
Số dư cuối kỳ	1.029.343.085
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 6.424 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 (1/1/2020: 3.963 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Số dư đầu kỳ	35.047.117.854	1.173.000.428
Tăng trong kỳ	61.523.806.666	28.853.677.545
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(51.856.160.225)	(26.500.377.901)
Số dư cuối kỳ	44.714.764.295	3.526.300.072

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Lô bộ cọc NOVIBRA HP-S68 của 6 máy sợi con Compact	23.470.553.583	4.442.285.100
Nhà máy may Triệu Phong	20.743.142.108	339.482.363
Tổ hợp trung tâm may đo thời trang - showroom - văn phòng cho thuê	-	26.342.272.713
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Tổng Công ty	-	2.841.983.614
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy may Điện Bàn	-	600.025.460
Khác	501.068.604	481.068.604
	44.714.764.295	35.047.117.854

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.469.555.099	1.852.472.641
Công cụ và dụng cụ	2.968.036.918	3.432.927.233
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	1.659.008.219	588.888.888
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.361.050.913	4.596.484.566
	8.457.651.149	10.470.773.328

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	4.103.089.728	14.792.964.019	8.782.983.700	27.679.037.447
Tăng trong kỳ	-	5.325.384.250	3.136.370.854	8.461.755.104
Phân bổ trong kỳ	(43.805.226)	(5.785.050.752)	(2.146.165.653)	(7.975.021.631)
Số dư cuối kỳ	4.059.284.502	14.333.297.517	9.773.188.901	28.165.770.920

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	1.400.866.953
Giá trị phân bổ lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.190.736.907
Phân bổ trong kỳ	70.043.348
Số dư cuối kỳ	1.260.780.255
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	210.130.046
Số dư cuối kỳ	140.086.698

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	40.700.287.779	34.194.954.604
Hultafors Group AB	19.149.718.643	26.352.941.612
Toyo Cotton (Japan) Co., Ltd	-	16.290.899.039
Kwong Lung Enterprise Co., Ltd	14.406.851.125	10.607.188.352
ICT TRADING S.A	9.696.098.968	-
Louis Dreyfus Commodities LLC	13.419.648.000	-
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	6.561.272.196	8.603.204.098
Motives (Far East) Limited	2.166.750.345	5.297.293.775
Manhattan Outdoor Wear Factory Limited	5.237.723.328	2.667.745.423
Kufner Hongkong Limited	2.356.038.208	4.111.834.977
Các nhà cung cấp khác	125.716.978.998	123.330.528.814
	239.411.367.590	231.456.590.694

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	40.700.287.779	34.194.954.604
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	6.561.272.196	8.603.204.098
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.630.962.875	3.719.966.837
Công ty Cổ phần Dệt May Huế	16.972.900	103.455.000
	<hr/>	<hr/>
	48.909.495.750	46.621.580.539

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ VND	30/6/2020 VND
Thuế giá trị gia tăng	7.148.046.200	52.785.109.485	(38.936.607.935)	20.996.547.750
Thuế nhập khẩu	16.162.399	300.317.474	(316.479.873)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.669.475.192	3.227.055.049	(1.604.344.551)	3.292.185.690
Thuế thu nhập cá nhân	133.275.533	1.598.298.841	(1.713.270.891)	18.303.483
Tiền thuê đất	-	2.229.614.098	-	2.229.614.098
Các loại thuế khác	132.450	291.757.921	(291.164.771)	725.600
	8.967.091.774	60.432.152.868	(42.861.868.021)	26.537.376.621

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Chi phí hoạt động	2.136.074.081	2.703.714.715
Chi phí lãi vay	146.720.581	390.370.038
Các khoản trích trước khác	323.985.079	1.658.639.361
	2.606.779.741	4.752.724.114
	2.606.779.741	4.752.724.114

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	11.668.608.391	11.894.994.367
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	2.927.853.203	10.333.666
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	160.000.000	195.595.075
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	169.720.098	46.573.547
Cổ tức phải trả	57.008.923.600	794.136.047
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	755.485.878	755.485.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.631.670.437	3.025.963.130
	76.322.261.607	16.723.081.710
	76.322.261.607	16.723.081.710

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	30/6/2020 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	212.200.281.473	1.233.708.311.695	(1.226.487.405.045)	350.131.405	219.771.319.528
Vay dài hạn đến hạn trả	60.860.325.547	15.889.583.511	(32.497.161.894)	94.121.466	44.346.868.630
	273.060.607.020	1.249.597.895.206	(1.258.984.566.939)	444.252.871	264.118.188.158

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	2,7% - 2,8%	86.929.500.862	70.810.873.842
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	2,7% - 3,0%	60.040.839.661	71.869.050.029
Vay ngân hàng 3 (ii)	USD	2,7%	21.968.639.418	14.267.114.284
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	3,0%	-	8.747.291.103
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	3,3%	20.264.163.156	25.965.119.540
Vay ngân hàng 6 (ii)	USD	2,7%	28.195.997.251	20.360.832.675
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	2,7%	2.192.179.180	-
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10,0%	180.000.000	180.000.000
			219.771.319.528	212.200.281.473

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 11), hàng tồn kho (Thuyết minh 14) và tài sản cố định của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).

(ii) Các khoản vay này không được đảm bảo.

(b) Vay dài hạn

	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay dài hạn	393.692.789.826	428.223.454.370
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(44.346.868.630)	(60.860.325.547)
<hr/>		
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	349.345.921.196	367.363.128.823

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2020 VND	1/1/2020 VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,0%	2021	14.590.583.347	21.821.057.092
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	-	2.548.445.228
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,0%	2021	1.265.903.819	1.894.006.713
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	1.604.579.155	2.285.470.415
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	14.682.110.705	17.630.753.393
Vay ngân hàng 6 (i)	VND	10,4%	2020	-	600.000.000
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	5,4%	2025	138.233.574.041	153.415.774.842
Vay ngân hàng 8 (i)	VND	11%	2021	-	1.250.000.000
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	6.989.400.000	9.291.600.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	216.326.638.759	217.486.346.687
				393.692.789.826	428.223.454.370

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 15).
- (ii) Khoản vay này không được đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	70.187.103.088	53.865.672.577
Trích lập trong kỳ	9.459.359.816	23.602.191.144
Tăng khác	215.821.774	254.079.435
Sử dụng trong kỳ	(6.850.513.575)	(6.879.396.872)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	73.011.771.103	70.842.546.284

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2019	225.000.000.000	98.179.356.087	95.578.326.576	25.871.773.466	444.629.456.129
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	54.480.645.510	(3.817.820.690)	50.662.824.820
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	15.103.682.613	(15.103.682.613)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(23.602.191.144)	-	(23.602.191.144)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2019	225.000.000.000	113.283.038.700	55.103.098.329	22.053.952.776	415.440.089.805
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	225.000.000.000	113.283.038.700	116.974.532.760	26.202.843.172	481.460.414.632
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	27.619.234.587	877.633.266	28.496.867.853
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	18.298.210.654	(18.298.210.654)	-	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(56.250.000.000)	-	(56.250.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(9.459.359.816)	-	(9.459.359.816)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020	225.000.000.000	131.581.249.354	60.586.196.877	27.080.476.438	444.247.922.669

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	30/6/2020		1/1/2020	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	30/6/2020 và 1/1/2020		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

29. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2020, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 56.250 triệu VND cho năm 2019, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 (30/6/2019: 56.250 triệu VND cho năm 2018, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	33.419.100.299	22.699.190.756
Trong vòng hai đến năm năm	112.293.236.856	92.392.595.877
Sau năm năm	109.764.231.392	143.821.017.920
	<hr/>	<hr/>
	255.476.568.547	258.912.804.553
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2020		1/1/2020	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	496.693	11.447.687.290	386.277	8.925.783.421
EUR	227	5.833.829	233	6.002.634
		<hr/>		<hr/>
		11.453.521.119		8.931.786.055
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2020	1/1/2020
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	64.976.500.000	69.860.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	774.902.529	905.747.360
Cổ tức được chia	192.000.000	192.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.422.935.222	8.186.098.800
Doanh thu hoạt động tài chính khác	38.445.685	36.543.542
	<hr/>	<hr/>
	13.428.283.436	9.320.389.702
	<hr/>	<hr/>

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	12.520.812.989	19.933.726.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.015.274.739	2.318.003.762
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	950.285.727	2.031.778.788
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	756.599.892	-
	<hr/>	<hr/>
	20.242.973.347	24.283.509.015
	<hr/>	<hr/>

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.208.674.861	2.966.007.764
Chi phí vật liệu, bao bì	252.659.452	291.403.133
Chi phí khấu hao tài sản cố định	403.939.144	54.641.075
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.741.148.495	30.852.055.868
Chi phí khác	5.394.853.347	6.079.813.973
	<hr/>	<hr/>
	35.001.275.299	40.243.921.813
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	28.884.849.829	33.010.254.445
Chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	5.134.441.287	4.593.735.291
Thuế, phí và lệ phí	1.643.462.353	1.800.674.519
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.016.316.583	8.298.550.095
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(7.500.000)	-
Chi phí khác	13.427.640.024	12.728.624.303
	55.099.210.076	60.431.838.653

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	737.376.769.400	1.054.302.836.640
Chi phí nhân viên	476.027.660.128	537.563.961.465
Chi phí khấu hao và phân bổ	75.643.278.184	95.508.660.434
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	245.008.650.364	269.235.235.397



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	3.227.055.049	2.327.987.779

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	31.723.922.902	52.990.812.599
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	3.172.392.290	5.299.081.260
Ưu đãi thuế	-	(2.074.026.684)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	163.240.605	(744.722.630)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	401.728.705	222.762.548
Chi phí không được khấu trừ thuế	114.133.136	81.450.041
Thu nhập không bị tính thuế	(19.200.000)	(19.200.000)
Giảm thuế (*)	(117.349.000)	(191.564.000)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	20.808.175	36.719.082
Lỗi tính thuế được sử dụng	(508.698.862)	(282.511.838)
	3.227.055.049	2.327.987.779

(*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư số 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng số lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

(i) Đối với Tổng Công ty

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20%.

(ii) Đối với các công ty con

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20%.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
Lợi nhuận thuần trong kỳ (VND)	27.619.234.587	54.480.645.510
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	27.619.234.587	54.480.645.510
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	22.500.000	22.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.228	2.421

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020, lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho kỳ sáu tháng	
	kết thúc ngày	
	30/6/2020 VND	30/6/2019 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Cổ tức công bố	36.539.052.500	36.539.052.500
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.561.086.182	1.618.500.199
Mua hàng hóa và dịch vụ	11.688.283.114	22.672.440.142
Chi phí lãi vay	3.142.315.292	3.046.124.377
Các công ty liên kết		
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	574.220.195	518.625.430
Mua hàng hóa và dịch vụ	27.817.121.123	28.361.738.610
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	62.852.680	71.370.437
Mua hàng hóa và dịch vụ	33.774.065.985	38.758.157.257
Cổ tức công bố	1.607.000.000	1.607.000.000
Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	8.746.220.102	12.217.944.567
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Mua hàng hóa và dịch vụ	120.043.636	930.434.476
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.173.480.408	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.173.480.408	-
Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	995.537.555	1.811.092.415
Thành viên khác trong Ban điều hành		
Tiền lương và thưởng	5.083.956.062	5.230.740.666
Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		
Thù lao và các khoản khác	861.763.139	838.987.982

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2020	30/6/2019
	VND	VND
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	-	192.000.000

41. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ
Chuyên viên

Người duyệt:



Nguyễn Thị Tường Long
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hải
Tổng Giám đốc